

BẢN TIN KỸ THUẬT

TECHNICAL BULLETIN



Chuyên đề
MỸ PHẨM



Số: **01** Năm 2026



Nội dung phát hành số này:

XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG CHỐNG NẮNG Trang 02

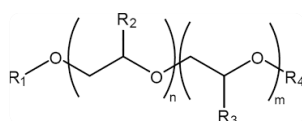
CHỐNG NẮNG HÓA HỌC Trang 04
Giải pháp toàn diện từ Aegis

EMOSMART™ – EMOGREEN™ Trang 05
GIẢI PHÁP THAY THẾ SILICONE

GIẢI PHÁP TIO₂ BỌC Trang 08
từ nhà sản xuất Luxon, Hàn Quốc

SPF BOOSTER Trang 13
RM-VISCO FLIM PLUS và AEGIVITA BHB

EXPOSOME VÀ DA KHỎE MẠNH Trang 16
ANTILEUKINE-6 và α-LUPALINE®



CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH SÁNG CHÂU Á

338 Nguyễn Trọng Tuyển, P. Tân Sơn Hòa, TP. HCM
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội

asiashine@asia-shine.com.vn

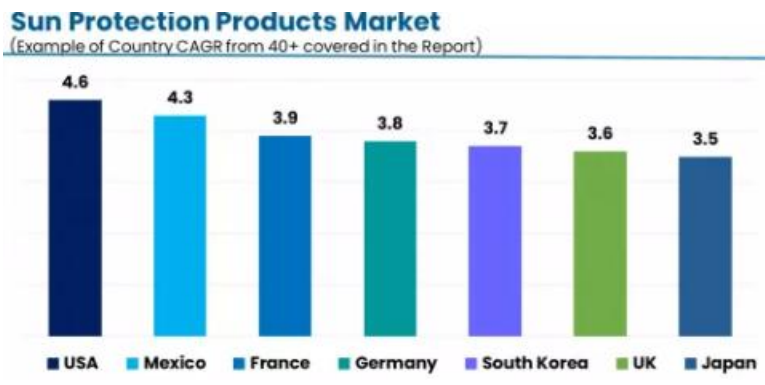
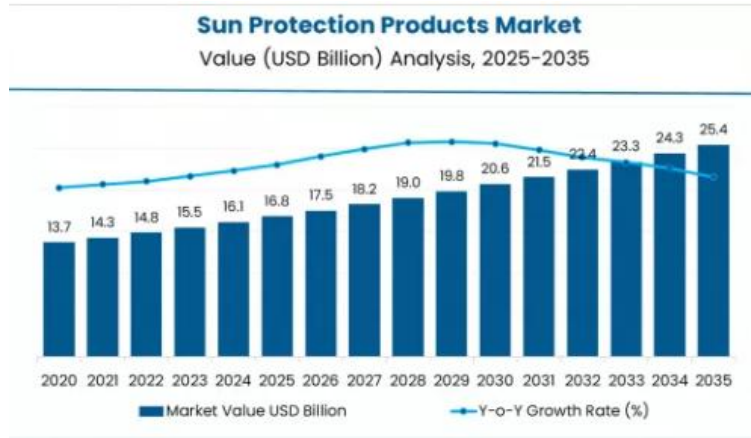
CALL US NOW! **1900252546**





XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG CHỐNG NẮNG

Xu hướng ngành hàng chống nắng (đến năm 2035)



Hình 1. Sun Protection Products Market Forecast and Outlook 2025 to 2035_Fact.Mr

Thị trường sản phẩm chống nắng toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng từ **16,8 tỷ USD** vào năm 2025 lên đến khoảng **25,2 tỷ USD** vào năm 2035, ghi nhận mức tăng tuyệt đối 8,4 tỷ USD trong giai đoạn dự báo.

Điều này tương ứng với tổng mức tăng trưởng 50,0%, với dự báo thị trường sẽ mở rộng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 4,2% từ năm 2025 đến năm 2035.

Mức tăng trưởng này phản ánh một xu hướng rõ rệt: chống nắng không còn là sản phẩm theo mùa, mà đã trở thành một phần không thể thiếu trong thói quen chăm sóc da hằng ngày.



XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG CHỐNG NẮNG

Phân khúc thị trường chính

Theo dạng sản phẩm: Lotions/ Cream chiếm 48% dạng sản phẩm. Chủ yếu là do dễ sử dụng, hiệu quả ổn định

Theo chỉ số SPF: Có 3 phân khúc chính là SPF 30 – 50, SPF<30, và SPF>50. Trong đó, SPF 30 – 50 được xem là phổ biến nhất & tăng trưởng tốt, do cân bằng giữa hiệu quả, an toàn và về mặt chi phí.

Những sản phẩm chống nắng ngày nay



Hình 2. Những sản phẩm chống nắng ngày nay

Chỉ trong vài năm, kem chống nắng đã trở thành vấn đề gây tranh cãi nhất trên thị trường mỹ phẩm. Các chất chống nắng **gây hại cho rạn san hô, gây rối loạn nội tiết, tác hại của các hạt có kích thước nano đối với sức khỏe** vẫn chưa được hiểu rõ... Tuy nhiên, các sản phẩm chống nắng vẫn rất cần thiết để bảo vệ da khi có đến **khoảng 2 đến 3 triệu ca ung thư da không phải khối u ác tính và 132.000 ca ung thư da do khối u ác tính** xảy ra trên toàn cầu mỗi năm.

Tổng thể, thị trường chống nắng đang bước vào một giai đoạn trưởng thành nhưng không hề bão hòa. Thay vì cạnh tranh đơn thuần về chỉ số SPF, xu hướng hiện nay xoay quanh khả năng cân bằng giữa hiệu quả bảo vệ, trải nghiệm người dùng và tính linh hoạt trong ứng dụng. Những xu hướng như đa chức năng, cảm quan tối ưu, bền vững, minh bạch và ứng dụng công nghệ sẽ tiếp tục định hình ngành trong những năm tới.



CHỐNG NẮNG HÓA HỌC

Giải pháp toàn diện từ Aegis

Aegis Beauty Solutions Limited là một thành viên của Tập đoàn Rianlon, dẫn đầu trong công nghệ chống tia UV ở Trung Quốc, cung cấp các giải pháp về chống nắng hóa học bao gồm: màng lọc UV (UVA/ UVB), SPF Boosters, cho phép xây dựng công thức chống nắng **hiệu quả – ổn định – cảm quan tốt**.

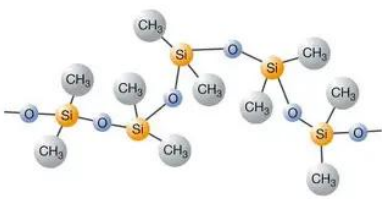
Aegis mang đến nhiều loại màng lọc chống nắng phù hợp với **đa dạng công thức chống nắng thế hệ mới**: hiệu quả cao, cảm quan đẹp và phù hợp với nhu cầu thị trường hiện đại

Trade Name	INCI Name	Màng lọc UVA	Màng lọc UVB	Đặc điểm
Aegivita PBSA	Phenylbenzimidazole Sulfon Acid		✓	Tan nước
Aegivita MD	Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol, Aqua, Decyl Glucoside, Propylene Glycol, Xanthan Gum	✓	✓	Phân tán nước
Aegivita MDB	Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol, Aqua, Decyl Glucoside, Butylene Glycol, Xanthan Gum	✓	✓	Phân tán nước
Aegivita MDG	Methylene Bis-Benzotriazolyl Tetramethylbutylphenol, Aqua, Decyl Glucoside, Glycerin, Xanthan Gum	✓	✓	Phân tán nước
Aegivita S	Bis-Ethylhexyloxyphenol Methoxyphenyl Triazin	✓	✓	Tan dầu
Aegivita BHB	Butyloctyl Salicylate			Boost SPF, dung môi hòa tan chống nắng vật lý
Aegivita T150	Ethylhexyl Triazon		✓	Tan dầu
Aegivita HEB	Diethylhexyl Butamido Triazone		✓	Tan dầu
Aegivita OCT	Octocrylene		✓	Dạng lỏng
Aegivita OS	Ethylhexyl salicylate		✓	Dạng lỏng
Aegivita HMS	Homosalate		✓	Dạng lỏng
Aegivita A Plus	Diethylamino Hydroxybenzoyl Hexyl Benzoate	✓		Tan dầu
Aegivita AVB	Butyl Methoxydibenzoylmethane	✓		Tan dầu

Bảng 1. Giải pháp chống nắng hóa học từ Aegis



EMOSMART™ – EMOGREEN™ GIẢI PHÁP THAY THẾ SILICONE



Hình 3. Silicone

Trong suốt nhiều thập kỷ, silicone luôn giữ một vị trí quan trọng trong công thức mỹ phẩm hiện đại. Từ skincare, haircare cho đến make-up, silicone mang lại những hiệu ứng mà ít nhóm nguyên liệu nào có thể thay thế hoàn toàn: **độ trượt mượt tức thì, khả năng lan tỏa nhanh, cảm giác khô ráo nhưng vẫn mềm mại, cùng lớp phủ hoàn thiện tinh tế trên da và tóc.**

Những đặc tính này giúp silicone trở thành “chuẩn vàng” cho trải nghiệm cảm quan. Chỉ cần một lượng nhỏ, công thức đã có thể trở nên nhẹ hơn, ít bột dính hơn, dễ tán hơn và mang lại cảm giác cao cấp hơn khi sử dụng. Đó cũng là lý do vì sao silicone xuất hiện trong rất nhiều sản phẩm trên thị trường.

Tuy nhiên, khi ngành mỹ phẩm bước vào kỷ nguyên “sạch” và “bền vững”, tiêu chí lựa chọn nguyên liệu không chỉ dừng lại ở hiệu quả. Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến nguồn gốc, khả năng phân hủy sinh học và tính thân thiện môi trường của sản phẩm họ sử dụng mỗi ngày.

Vì sao cần thay thế silicone?

Trong bối cảnh mới, silicone bắt đầu bộc lộ một số hạn chế khi xét trên góc độ phát triển bền vững như khó phân hủy sinh học, nhiều loại silicone có xu hướng tồn lưu lâu trong môi trường. Cyclopentasiloxane đang bị hạn chế sử dụng tại nhiều thị trường, đặc biệt ở châu Âu, do lo ngại về tác động môi trường. Quy định của EU (REACH) đã cấm sử dụng D5 trong các sản phẩm rửa trôi (nồng độ trên 0.1%) từ năm 2020, do khả năng tích tụ sinh học và ảnh hưởng đến hệ sinh thái thủy sinh. Nhiều thương hiệu toàn cầu đang chuyển sang các giải pháp thay thế bền vững để đáp ứng xu hướng “sạch” và thân thiện với môi trường. Nhưng kể từ ngày 06/06/2027, theo Quy định (EU) 2024/ 1328, lệnh cấm sẽ chính thức áp dụng cho cả các sản phẩm lưu lại trên da với nội dung không được chứa quá 0.1% nồng độ D5 và D6. Mức 0.1% được coi là giới hạn “tạp chất”, điều này có nghĩa là các hãng mỹ phẩm không được chủ động thêm vào như một thành phần chính nữa.



EMOSMART™ – EMOGREEN™ GIẢI PHÁP THAY THẾ SILICONE

Được phát triển bởi Seppic, bộ đôi EMOSMART™ và EMOGREEN™ mang đến một cách tiếp cận hoàn toàn mới: tái tạo trải nghiệm cảm quan của silicone bằng các alkane hiệu suất cao, đồng thời nâng cấp hồ sơ bền vững của công thức. Đây là các emollient thế hệ mới với đặc điểm nổi bật: **Độ tinh khiết cao, không màu, không mùi; Tính trơ và không phân cực, phù hợp với nhiều hệ công thức; Dễ phân hủy sinh học; Tương thích rộng với ester, dầu thực vật, dầu khoáng và nhiều hệ nền khác.**

EMOSMART™ - Cảm quan khô thoáng

Dòng EMOSMART™ được thiết kế với nhiều cấp độ khác nhau (L15, L19, V21, C28), cho phép nhà phát triển điều chỉnh chính xác cảm giác mong muốn: kết cấu tươi mát, tan nhanh. Hiệu ứng khô ráo, lì nhẹ trên da. Cảm giác mượt

không nhờn, không dính. Ngoài ra, ưu điểm nổi bật của một số mã EMOSMART™ là có khả năng tương thích tốt với nhiều loại dầu, kể cả dầu silicone, có khả năng hỗ trợ phân tán (TiO₂, ZnO) rất hữu ích trong sunscreen và make-up. Nhờ đó, EMOSMART™ trở thành lựa chọn lý tưởng cho các sản phẩm cần cảm giác **nhẹ – mượt – ráo – dễ tán**, từ serum, kem dưỡng đến sản phẩm trang điểm.

EMOSMART™ L15 <i>C13-15 Alkane</i>	EMOSMART™ L19 <i>C15-19 Alkane</i>
EMOSMART™ V21 <i>C18-21 Alkane</i>	EMOSMART™ C28 <i>C21-28 Alkane</i>

Hình 4. EMOSMART™

EMOGREEN™ - Giải pháp thay thế silicone

Nếu EMOSMART™ mang tính linh hoạt, thì EMOGREEN™ lại là lời giải trực tiếp cho bài toán thay thế silicone. Dòng nguyên liệu này được thiết kế để thay thế dầu silicone bay hơi và không bay hơi. Mang lại cảm giác tươi mát và mượt mà, hậu như phấn phủ.

EMOGREEN™ L15 <i>C15-19 Alkane*</i>	EMOGREEN™ L19 <i>C15-19 Alkane*</i>
EMOGREEN™ C69 <i>C15-19 Alkane* - Coco-Caprylate/Caprate</i>	

Hình 3. EMOGREEN™



EMOSMART™ – EMOGREEN™ GIẢI PHÁP THAY THẾ SILICONE

EMOGREEN™ - Giải pháp thay thế silicone

Trong phương pháp phân tích Pivot, so sánh cảm giác giữa dòng EMOGREEN™ và dầu silicone bay hơi (Cyclopentasiloxane & Cyclohexasiloxane) cho thấy:

Ngoại quan
EMOGREEN™ L15 & EMOGREEN™ L19
 Tạo nên công thức bóng mượt hơn

Ứng dụng
EMOGREEN™ L15 & EMOGREEN™ L19
 Mang lại cảm giác mềm mại hơn trong quá trình sử dụng công thức

Cảm giác sau khi thoa
EMOGREEN™ L15 & EMOGREEN™ L19
 Có cùng cảm giác mềm mịn như phấn và hiệu ứng “matte” trên da

So với **Cyclopentasiloxane (D5)** và **Cyclohexasiloxane (D6)**, mỗi dòng EMOGREEN™ giúp tạo ra các công thức được đánh giá cao hơn về **ngoại quan** (độ bóng sản phẩm tốt hơn) và **cảm giác khi thoa** (giàu độ ẩm/mềm mượt hơn), trong khi vẫn giữ nguyên **cảm giác sau khi thoa** (hiệu ứng khô thoáng như phấn và làm mờ lì da).

Trong bối cảnh ngành mỹ phẩm không ngừng chuyển dịch, việc lựa chọn nguyên liệu không chỉ là câu chuyện về tính hiệu quả mà còn là chiến lược dài hạn. EMOSMART™ và EMOGREEN™ mang đến một giải pháp cân bằng hoàn hảo trong việc giải quyết được vấn đề khó phân hủy đối với môi trường, vừa đáp ứng được những mong muốn từ dầu silicone mang lại trong các công thức mỹ phẩm.

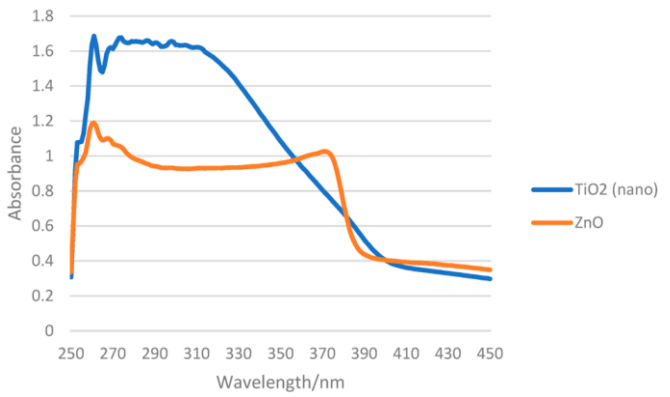


GIẢI PHÁP TiO₂ BỌC từ nhà sản xuất Luxon, Hàn Quốc

Chống nắng phổ rộng và chống nắng vật lý

Tại Hoa Kỳ, nhãn kem chống nắng ghi "phổ rộng" cho biết sản phẩm cung cấp khả năng bảo vệ đáng kể chống lại cả UVA và UVB — tức là, nó phải đáp ứng giá trị bước sóng quan trọng là 370 nm. Theo quy định mới của FDA, tuyên bố về khả năng bảo vệ phổ rộng, cùng với chỉ số SPF, phải được ghi ở mặt trước của nhãn sản phẩm. Chỉ số SPF càng cao cho thấy mức độ bảo vệ tổng thể càng cao và hiện tại, mức tối đa cho phép là 50+. Ngược lại, bất kỳ loại kem chống nắng nào không được dán nhãn là phổ rộng, hoặc có chỉ số SPF từ 2 đến 14, chỉ được chứng minh là giúp ngăn ngừa cháy nắng. Hiện nay, chỉ có một số ít kem chống nắng (~10%) đáp ứng được yêu cầu này, do đó việc phát triển kem chống nắng phổ rộng đang trở thành thử thách trên toàn thế giới.

Titanium dioxide (TiO₂) và Zinc oxide (ZnO) là hai chất lọc tia UV vô cơ duy nhất hiện được chấp thuận sử dụng trong các công thức kem chống nắng. Các chất lọc tia UV vô cơ có phổ hấp thụ tia UV rộng hơn so với các chất lọc hữu cơ, vì chúng kết hợp các cơ chế hoạt động khác nhau, bao gồm hấp thụ, phản xạ và tán xạ bức xạ tia UV.



Hình 5: Phổ hấp thụ điển hình của công thức chống nắng O/W chứa 10% of TiO₂ and ZnO

Do **TiO₂** chủ yếu hấp thụ trong phạm vi UVB và ZnO tương tác với cả bức xạ UVB và UVA, sự kết hợp của cả hai cho phép phát triển các hệ thống kem chống nắng phổ rộng. Phổ hấp thụ điển hình của cả ZnO và TiO₂ được trình bày trong **Hình 1**.



GIẢI PHÁP TiO_2 BỌC từ nhà sản xuất Luxon, Hàn Quốc

Chống nắng vật lý – cơ hội và thách thức



Các quy định về kem chống nắng là khác nhau trên toàn thế giới. Tại Liên minh Châu Âu, việc kết hợp các thành phần vô cơ và hữu cơ trong kem chống nắng được cho phép, nhằm đạt được chỉ số SPF cao và cung cấp khả năng bảo vệ UVA đầy đủ. Tuy nhiên, tại Hoa Kỳ, một số sự kết hợp không được phép. Ví dụ, chất lọc tia UV hữu cơ butyl methoxydibenzoylmethane (avobenzone) hiện không thể kết hợp với chất lọc vô cơ TiO_2 do lo ngại về tính không ổn định. Ngoài ra, các chất chống nắng cũng có thể có kết cấu sệt và độ mờ không mong muốn khi thoa lên da.

Tuy nhiên, một số người tiêu dùng lại ưa chuộng kem chống nắng vô cơ vì chúng "tự nhiên" hoặc có nguồn gốc khoáng chất hơn. Các lớp phủ mới đã được phát triển để ổn định các sự kết hợp này và chúng được sử dụng ở Châu Âu. Kem chống nắng vô cơ thường được pha chế với các kích thước hạt khác nhau của TiO_2 và ZnO dạng vi hạt để tối ưu hóa khả năng bảo vệ tia UV tổng thể và mang lại tính thẩm mỹ cao.

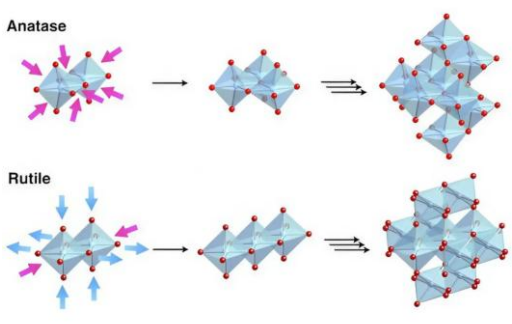


GIẢI PHÁP TiO_2 BỌC

từ nhà sản xuất Luxon, Hàn Quốc

Yếu tố ảnh hưởng khả năng chống nắng của Titanium Dioxide

Hai **dạng tinh thể** khác nhau của titanium dioxide được sử dụng trong kem chống nắng: rutile và anatase, có hình dạng khác nhau, ví dụ như hình "kim", hình cầu hoặc hình mũi giáo (dài hơn rộng). Kích thước hạt chính được sử dụng cho kem chống nắng dao động từ 20 – 100 nm. Các hạt nano thường kết dính với nhau tạo thành các cụm có thể lớn hơn 100 nm, và các hạt lớn hơn 100 nm tạo hiệu ứng làm trắng khi thoa lên da. **TiO₂** có kích thước hạt nhỏ hơn, được gọi là loại giảm tia UV, có xu hướng trong suốt hơn trên da. Thông tin thêm về độ an toàn và thành phần của **TiO₂** kích thước nano được sử dụng trong kem chống nắng có thể được tìm thấy trong Scientific Committee on Consumer Safety’s “Opinion on Titanium Dioxide (nano form, COLIPA, number S75).



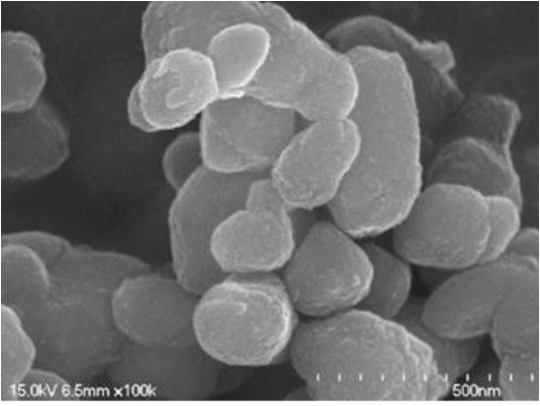
Hình 6. Hai dạng tinh thể của TiO_2

Kích thước hạt nhỏ hơn, ví dụ: 15 – 20 nm, cho khả năng bảo vệ UVB tốt hơn, trong khi kích thước hạt lớn hơn, ví dụ: 70 – 80 nm, cung cấp khả năng bảo vệ UVA tốt hơn. Chìa khóa là tìm ra sự kết hợp đúng đắn giữa các kích thước hạt để tạo ra chỉ số SPF và khả năng bảo vệ UVA cao nhất. Khả năng thẩm thấu tốt trên da và sự kết tụ tối thiểu trong sản phẩm cũng là những yếu tố quan trọng.

Việc phát triển một loại kem chống nắng phổ rộng, có chỉ số SPF cao, đòi hỏi phải lựa chọn các thành phần cẩn thận để thúc đẩy sự ổn định của hoạt chất chống nắng và khả năng thẩm thấu đồng đều lên da; đồng thời phải đảm bảo khả năng kết hợp vào công thức. Đây là lúc các lớp phủ và quy trình phủ phát huy tác dụng. Ví dụ, nếu xảy ra sự kết tụ quá mức với lớp phủ titan dioxide, sản phẩm kem chống nắng sẽ hoạt động kém hiệu quả và có độ trong suốt hạn chế. Lớp phủ thích hợp kết hợp với hệ nhũ tương w/ si hoặc w/ o để đạt được khả năng chống nước, cũng như khả năng bảo vệ cao khỏi tia UVB và UVA.



GIẢI PHÁP TiO₂ BỌC từ nhà sản xuất Luxon, Hàn Quốc



Ví dụ, lớp phủ glycerin có thể được xử lý trong pha nước trong quá trình pha chế, trong khi lớp phủ methicone có thể được pha chế trong pha dầu. Titan được phủ SiO₂ và/ hoặc Al₂O₃ có hoạt tính quang xúc tác giảm, ngăn chặn sự tạo ra ROS.

Hình 7. TiO₂ bọc quan sát dưới kính hiển vi

Việc phủ **Titanium dioxide** bằng alumina và triethoxycaprylsilane giúp nó dễ dàng hòa tan trong nhiều loại dầu và chất làm mềm khác nhau, đồng thời diện tích bề mặt nhỏ cho phép làm ướt vật liệu nhanh chóng và dễ dàng.

Giải pháp TiO₂ bọc từ nhà sản xuất Luxon, Hàn Quốc

Đối tác của LUXON là các thương hiệu lớn và phân phối trên toàn cầu: Innisfree, Laneige, Sulwhasoo,....



LUXON được thành lập năm 2005, đã đạt được nhiều thành tựu trên thị trường cạnh tranh. LUXON đã thành lập được công ty với hai chi nhánh tại Hàn Quốc, Thượng Hải. Có 2 nhà máy ở Hàn Quốc và Trung Quốc đạt chuẩn ISO9001/ ISO14001.

Tiêu chí của LUXON là thực hiện một chuỗi cung ứng xanh với mục tiêu bảo vệ sức khỏe, con người, bảo vệ môi trường. LUXON sử dụng nguồn nguyên liệu thân thiện với môi trường, công nghệ nano tiên tiến.



GIẢI PHÁP TiO_2 BỌC

từ nhà sản xuất Luxon, Hàn Quốc

Giải pháp Titanium Dioxide bọc

Tên thương mại	Nguồn gốc tự nhiên (100%)	Tên INCI	Đặc tính
LX-100TV	★	Titanium Dioxide & Aluminum Hydroxide & Stearic Acid	D1: 0.03 Min, D50: 0.04 Min
NT 95	★	Titanium Dioxide & Aluminum Hydroxide & Stearic Acid	D1: 0.03 Min, D50: 0.04 Min
MICRO BIANCO		Titanium Dioxide & Silica & Triethoxycaprylylsilane	D50: 30nm ~ 60nm
MICRO BIANCO N	★	Titanium Dioxide & Silica & Stearic Acid	D50: 30nm ~ 60nm
MICRO BIANCO NL	★	Titanium Dioxide & Silica & Hydrogenated Lecithin	D50: 30nm ~ 60nm
MICRO BIANCO NLL	★	Titanium Dioxide & Silica & Lauroyl Lysine	D50: 30nm ~ 60nm

Giải pháp Titanium Dioxide phân tán sẵn

Tên thương mại	Tên INCI/ Thành phần	Đặc tính
LX DTN 405	TiO_2 & Cyclopentasiloxane & PEG-10 Dimethicone & Stearic Acid & Aluminum Hydroxide	15nm TiO_2 40%
LX DTN 555	TiO_2 & Cyclopentasiloxane & PEG-10 Dimethicone & Stearic Acid & Aluminum Hydroxide	15nm TiO_2 55%
LX DTN 40AB	TiO_2 /Alumina/C12-15 Alkyl Benzoate/ Polyhydroxy Stearic Acid/Aluminum Stearate/Alumina	15nm TiO_2 40%
LX DT 605	TiO_2 & Cyclopentasiloxane & PEG-10 Dimethicone & Triethoxycaprylylsilane & Silica	30nm TiO_2 60%
LX DT 60C	TiO_2 & Dicaprylyl Carbonate & Polyhydroxy Stearic Acid & Triethoxycaprylylsilane & Silica	30nm TiO_2 60%
LX DT 60CC	TiO_2 & Coco Caprylate/Caprates & Polyhydroxy Stearic Acid & Triethoxycaprylylsilane & Silica	30nm TiO_2 60%
LX DT 60AB	TiO_2 & C12-15 Alkyl Benzoate & Polyhydroxy Stearic Acid & Triethoxycaprylylsilane & Silica	30nm TiO_2 60%
LX DT 55W	TiO_2 & Water & 1,3-Butylene Glycol & Polysorbate 60 & Oleth-10 & 1,2-Hexanediol & Rosin & Triethoxycaprylylsilane & Silica	30nm TiO_2 55%



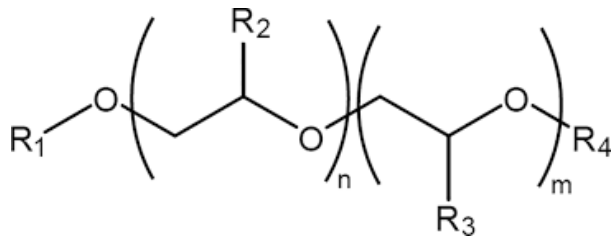
SPF BOOSTER

RM-VISCO FLIM PLUS và AEGIVITA BHB

Các chất tăng cường SPF là những thành phần được thêm vào công thức kem chống nắng để tăng cường chỉ số chống nắng (SPF) mà không làm tăng nồng độ các chất lọc tia UV hoạt tính. Các chất tăng cường này có thể bao gồm **polyme, chất nhũ hóa, chất chống oxy hóa và các chất khác giúp cải thiện khả năng ngăn chặn tia UV của kem chống nắng.**

Khái niệm về chất tăng cường chỉ số SPF xuất phát từ nhu cầu cải thiện hiệu quả của kem chống nắng mà không làm tăng các tác dụng phụ tiềm ẩn hoặc làm cho sản phẩm quá nhờn. Chất tăng cường SPF rất quan trọng trong các sản phẩm chăm sóc da chống nắng vì các nhà sản xuất có thể **đạt được chỉ số SPF cao với nồng độ bộ lọc tia UV thấp hơn, giảm nguy cơ kích ứng da và phản ứng dị ứng;** các sản phẩm chăm sóc da chống nắng nhẹ hơn và hấp dẫn hơn về mặt thẩm mỹ có thể được tạo ra bằng cách sử dụng chất tăng cường SPF, cải thiện sự tuân thủ của người dùng.

RM-VISCO FLIM PLUS - SPF BOOSTER nhờ tạo màng film



Hình 8. Polyether-1

Polyether 1 là một loại polymer dạng flake, kỵ nước, nonion. Nó tạo thành dung dịch trong suốt và được thiết kế đặc biệt cho các công thức sản phẩm chăm sóc da cá nhân. Hợp chất này tạo dòng chảy giả bằng cách làm đặc liên kết với các thành phần khác trong công thức và có tác dụng đồng nhũ hóa góp phần ổn định công thức.

Tuy nhiên, **Polyether 1** khó áp dụng vào công thức bởi nhiệt độ nóng chảy cao và khó kiểm soát độ nhớt đồng nhất.

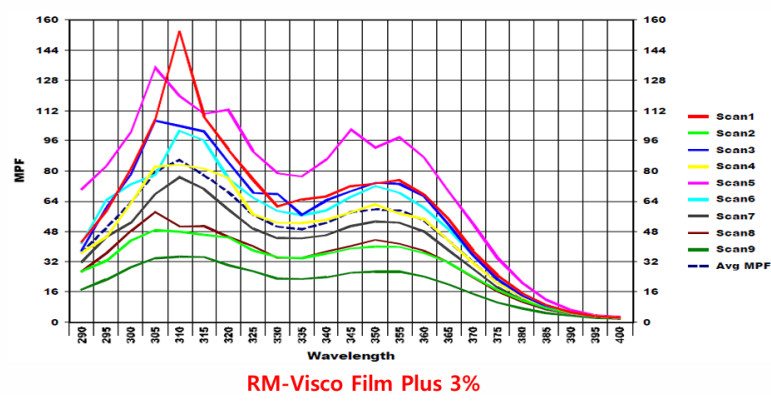
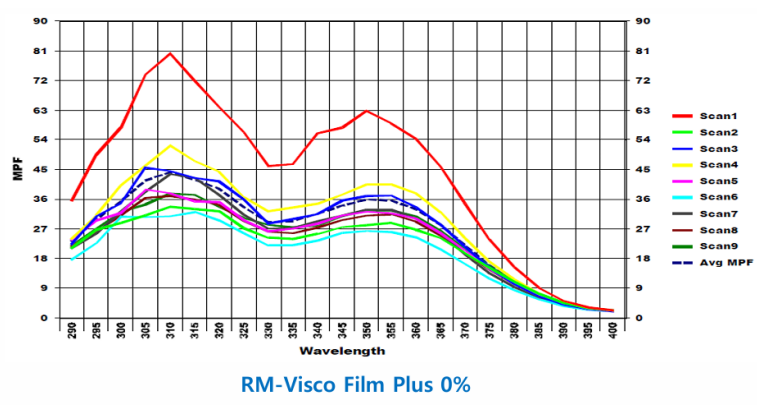


SPF BOOSTER

RM-VISCO FLIM PLUS và AEGIVITA BHB

RM-Visco Film Plus là một hỗn hợp các chất, với hoạt chất chính là **Polyether-1**, vẫn giữ ưu điểm của **Polyether-1** nhưng khắc phục những nhược điểm của nó, cải thiện hiệu quả phân tán chất tạo màu, tăng khả năng dàn trải, giảm độ trắng trong công thức chống nắng vật lý. Sản phẩm này giúp tăng cường chỉ số chống nắng SPF. Hiệu quả đã được kiểm chứng qua quá trình kiểm nghiệm thực tế với dữ liệu ghi nhận được như sau:

	RM-Visco Film Plus 0%	RM-Visco Film Plus 3%
In-vitro SPF	34.44	57.56
UVA/UVB ratio	0.798	0.777

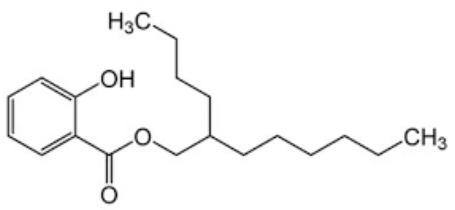


Hiệu quả boost SPF với 3% RM-Visco Film Plus



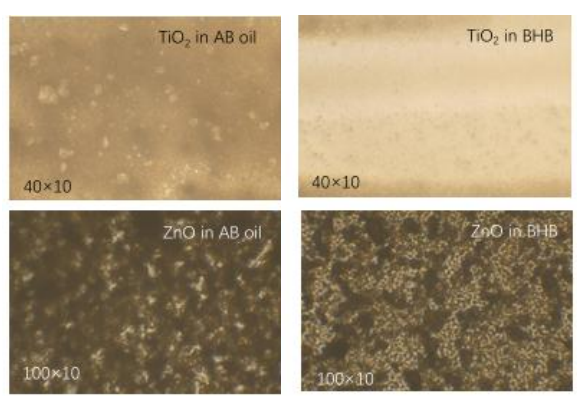
SPF BOOSTER RM-VISCO FLIM PLUS và AEGIVITA BHB

Aegivita BHB – SPF booster đa công dụng



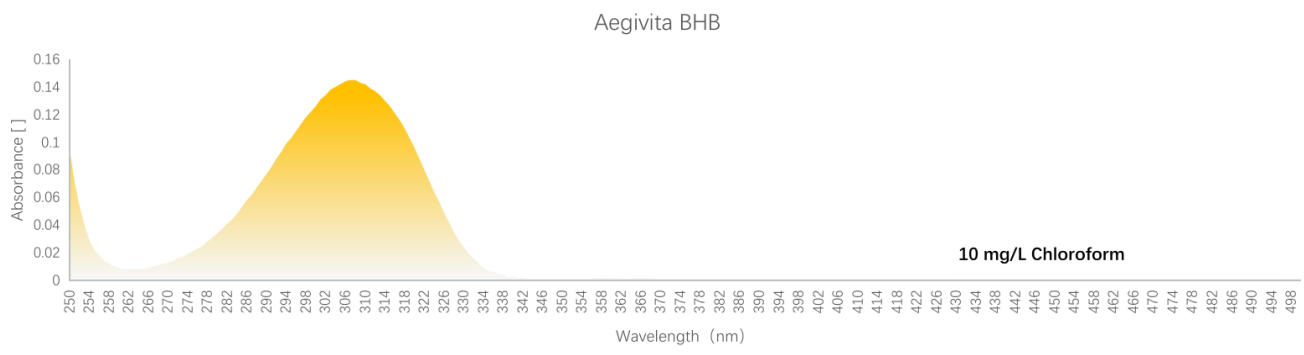
Butyloctyl Salicylate, một thành phần tổng hợp, được sử dụng rộng rãi trong các công thức kem chống nắng nhờ khả năng tăng cường giá trị SPF. Bản chất đa năng của nó cho phép nó hoạt động như một emollient, dung môi cho các bộ lọc tia UV và chất ổn định quang học, đồng thời cải thiện cảm quan và hiệu quả của sản phẩm cuối cùng.

Hình 9. Butyloctyl Salicylate



Chemical Sunscreen		
Ingredients	Basic Formula	
3% oil	AB oil	BHB
SPF	35.83	45.17

Hiệu quả phân tán chống nắng vật lý và boost SPF của Aegivita BHB, hàm lượng khuyến cáo sử dụng 2% - 8%



Dải hấp thụ của Aegivita BHB



EXPOSOME VÀ DA KHỎE MẠNH ANTILEUKINE-6™ và α-LUPALINE®

Trong bối cảnh hiện đại, làn da không chỉ chịu tác động từ yếu tố nội sinh (gen, tuổi tác) mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các yếu tố môi trường bên ngoài – được gọi chung là **Exposome**. Exposome bao gồm toàn bộ các yếu tố môi trường và lối sống mà con người tiếp xúc hàng ngày như: tia UV (UVA), Ánh sáng xanh (blue light), Hồng ngoại (IR), Ô nhiễm không khí, nhiệt độ.

Các tác nhân exposome gây ra một chuỗi phản ứng sinh học phức tạp trên da, có thể tóm tắt theo 3 bước chính:

- **Kích hoạt stress oxy hóa và viêm:** Tăng sản sinh ROS (Reactive Oxygen Species), Kích hoạt phản ứng viêm (ví dụ: tăng IL-8)
- **Gây tổn thương tế bào:** Phá hủy cấu trúc protein, lipid và DNA, Tổn thương ty thể → giảm sản sinh năng lượng (ATP), Suy giảm hệ lysosome
- **Suy giảm cơ chế detox nội bào:** Giảm hiệu quả **autophagy (tự thực bào)**, Tích tụ “waste products” trong tế bào.

Để giảm thiểu tác dụng của exposome và mang đến làn da khỏe mạnh, bản tin lần này xin được giới thiệu 2 nguyên liệu **Antileukine-6™ (Seppic, Pháp)** và **α-Lupaline® (Expanscience, Pháp)**

ANTILEUKINE-6 – Giảm tác hại từ tia UV

ANTILEUKINE 6™ là một hoạt chất sinh học có nguồn gốc từ biển, được chiết xuất từ màng lipid của tảo nâu **Laminaria ochroleuca**, còn được biết đến với tên gọi “golden seaweed”. Loài tảo này sinh trưởng trong môi trường khắc nghiệt với sự thay đổi liên tục giữa ngập nước và phơi nắng, chịu tác động của stress muối và bức xạ mặt trời mạnh.



Hình 10. Tảo nâu *Laminaria ochroleuca*



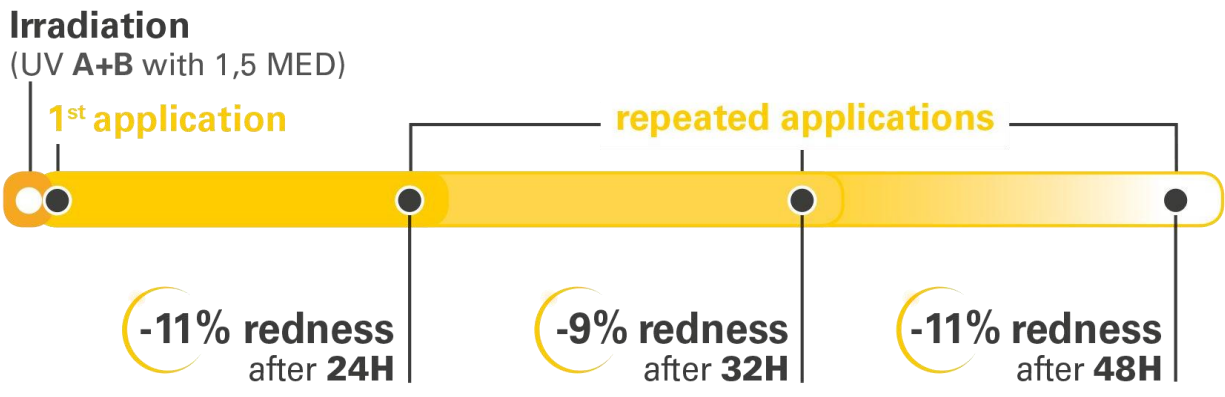
EXPOSOME VÀ DA KHỎE MẠNH

ANTILEUKINE-6™ và α-LUPALINE®

Để tồn tại, nó phát triển các cơ chế bảo vệ đặc biệt, bao gồm việc sản sinh các chất chuyển hóa thứ cấp giúp chống lại tia UV và các yếu tố môi trường. Chính cơ chế thích nghi này đã truyền cảm hứng cho việc phát triển ANTILEUKINE 6™ như một yếu tố bảo vệ sinh học cho làn da.

ANTILEUKINE 6™ và tác dụng làm dịu

- Các nghiên cứu *in vivo* cho thấy, khi sử dụng ở nồng độ 2%, hoạt chất này giúp giảm đỏ da đến 11% chỉ sau 24 giờ, và duy trì hiệu quả làm dịu trong suốt 48 giờ tiếp theo. Điều này chứng minh khả năng làm dịu tức thì và bền vững của ANTILEUKINE 6™, đặc biệt hữu ích trong các tình trạng da bị kích ứng hoặc sau khi tiếp xúc với ánh nắng.



Hiệu quả giảm đỏ kéo dài 48 giờ sau khi chiếu tia UV

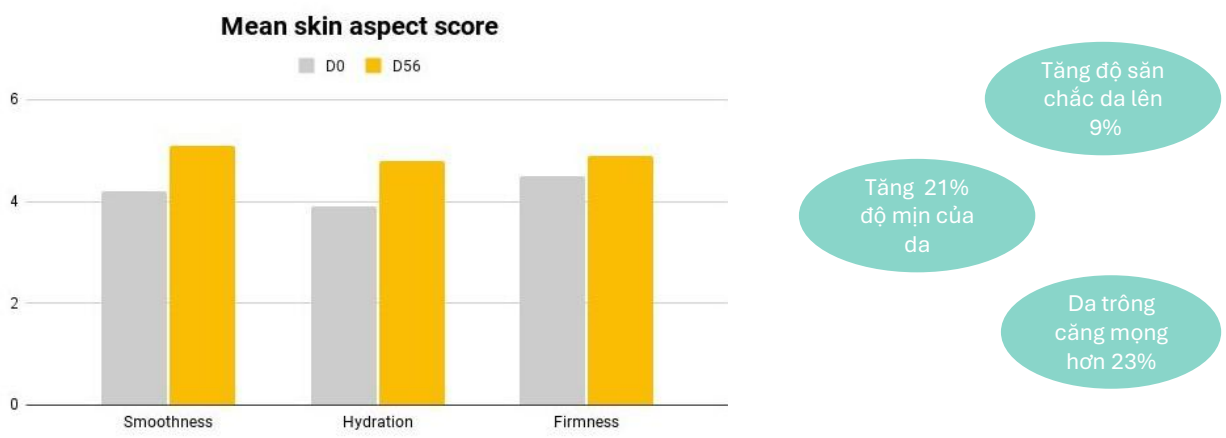
- Ở cấp độ tế bào, ANTILEUKINE 6™ hoạt động bằng cách ức chế các chất trung gian viêm quan trọng. Cụ thể, hoạt chất này giúp giảm biểu hiện của TNF-α, COX-2, LTB4 và IL-10, từ đó làm gián đoạn chuỗi phản ứng viêm.
- Ở cấp độ sâu hơn, ANTILEUKINE 6™ góp phần bảo vệ cấu trúc nền của da bằng cách giảm biểu hiện của các enzyme MMP (MMP-1, 2, 3, 9), từ đó hạn chế sự phân hủy collagen và elastin. Đồng thời, hoạt chất này còn kích thích tổng hợp collagen và glycosaminoglycans



EXPOSOME VÀ DA KHỎE MẠNH

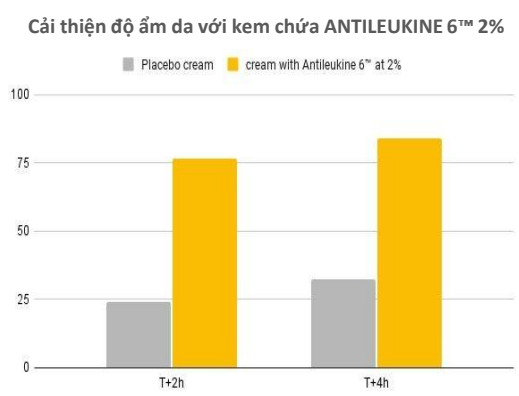
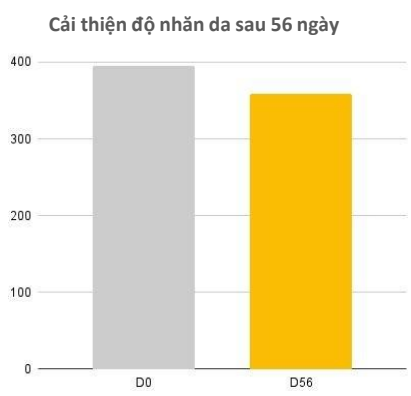
ANTILEUKINE-6™ và α-LUPALINE®

(GAG), giúp cải thiện độ đàn hồi và độ ẩm của da. Các kết quả cho thấy có thể tăng đến 30% collagen và GAG, đồng thời ức chế hoạt động elastase thông qua MMP-3. Điều này giúp duy trì sự toàn vẹn của vùng nổi biểu bì – trung bì (DEJ) và làm chậm quá trình lão hóa.



Hình 11. Hiệu quả cải thiện làn da sau 56 ngày sử dụng ANTILEUKINE-6™

Bên cạnh đó, ANTILEUKINE 6™ còn mang lại hiệu quả dưỡng ẩm và cải thiện giảm độ sâu nếp nhăn ở 80% người tham gia sau 56 ngày sử dụng. Khả năng duy trì cân bằng hydrolipidic cũng góp phần giúp da mềm mại, mịn màng và khỏe mạnh hơn.



Hình 12. Hiệu quả cải thiện làn da sau 56 ngày sử dụng ANTILEUKINE-6™

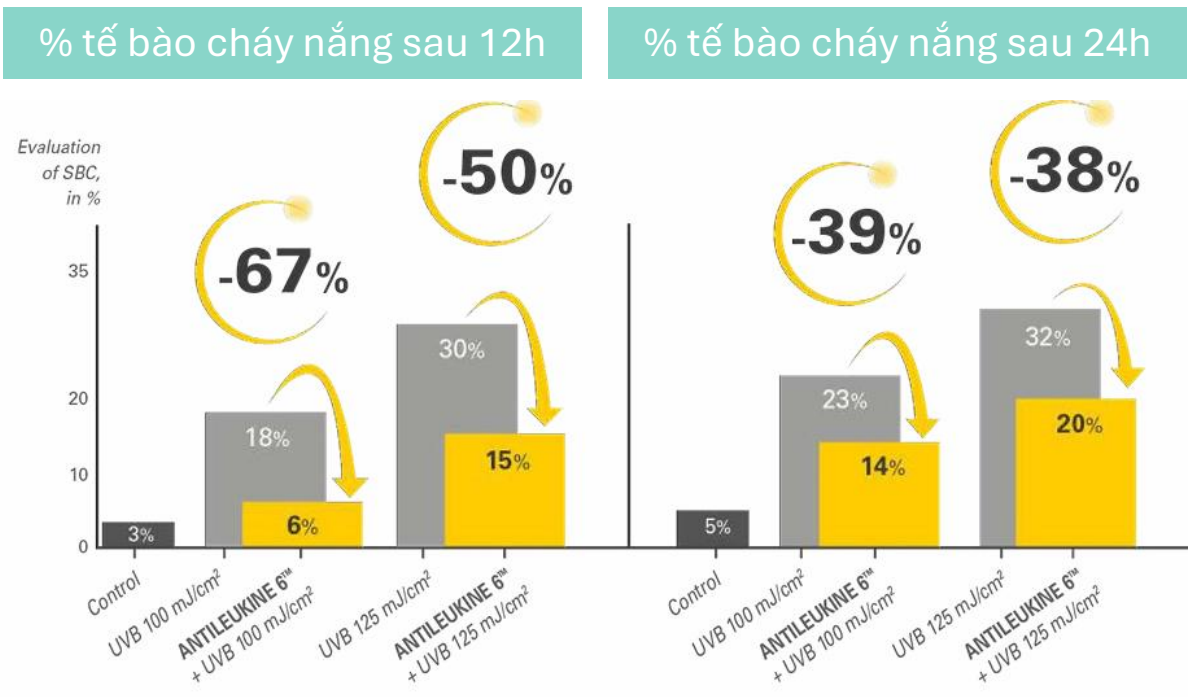


EXPOSOME VÀ DA KHỎE MẠNH

ANTILEUKINE-6™ và α-LUPALINE®

ANTILEUKINE 6™ trong công thức chống nắng

Không chỉ dừng lại ở khả năng làm dịu, ANTILEUKINE 6™ còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ da trước lão hóa do ánh sáng. Hoạt chất này cho thấy khả năng bảo vệ DNA tế bào khỏi tổn thương do tia UVA và UVB gây ra. Đồng thời, ANTILEUKINE 6™ còn giúp tăng cường hiệu quả của các bộ lọc chống nắng, tạo nên một lớp bảo vệ kép cho làn da. Ngoài ra, hoạt chất này còn làm giảm sự hình thành “sun burn cells” – các tế bào bị tổn thương do UV, đồng thời hạn chế quá trình sừng hóa bất thường, giúp duy trì cấu trúc biểu bì khỏe mạnh.



Hình 13. Hàm lượng khuyến nghị: 2%



EXPOSOME VÀ DA KHỎE MẠNH

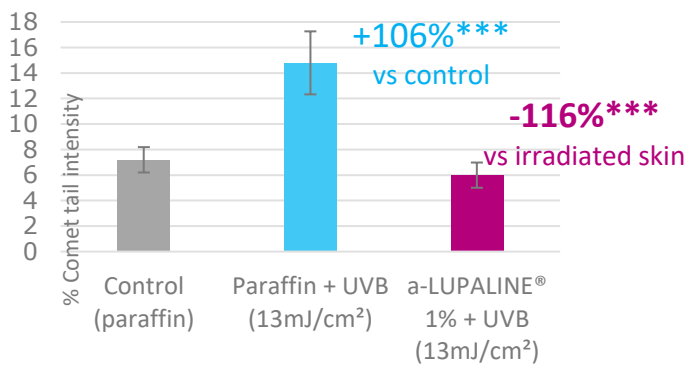
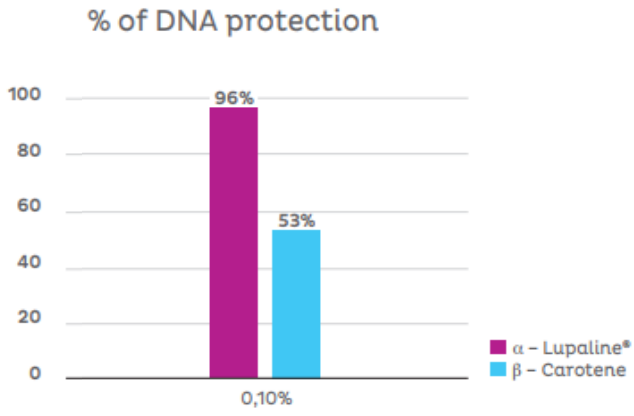
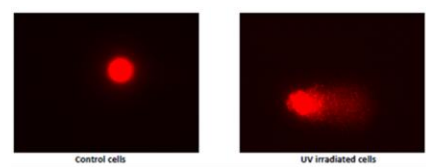
ANTILEUKINE-6™ và α-LUPALINE®

α-LUPALINE® - bảo vệ da trước ánh sáng xanh, tia hồng ngoại

α-LUPALINE® là kết quả của sự kết hợp độc đáo giữa dầu lupin được sản xuất đặc biệt bởi Laboratoires Expanscience và chất cô đặc các phân tử hoạt tính từ dầu mầm lúa mì thu được thông qua quá trình chưng cất phân tử. Quy trình độc đáo này, được cấp bằng sáng chế bởi Laboratoires Expanscience, tôn trọng con người cũng như môi trường và cho phép thu được chất cô đặc các chất không xà phòng hóa.



Dưới tác động của ánh sáng, các phản ứng oxy hóa xảy ra mạnh mẽ, dẫn đến peroxid hóa lipid màng tế bào, biến tính protein và tổn thương DNA. α-LUPALINE® giúp hạn chế các quá trình này, từ đó bảo vệ tính toàn vẹn của tế bào da.



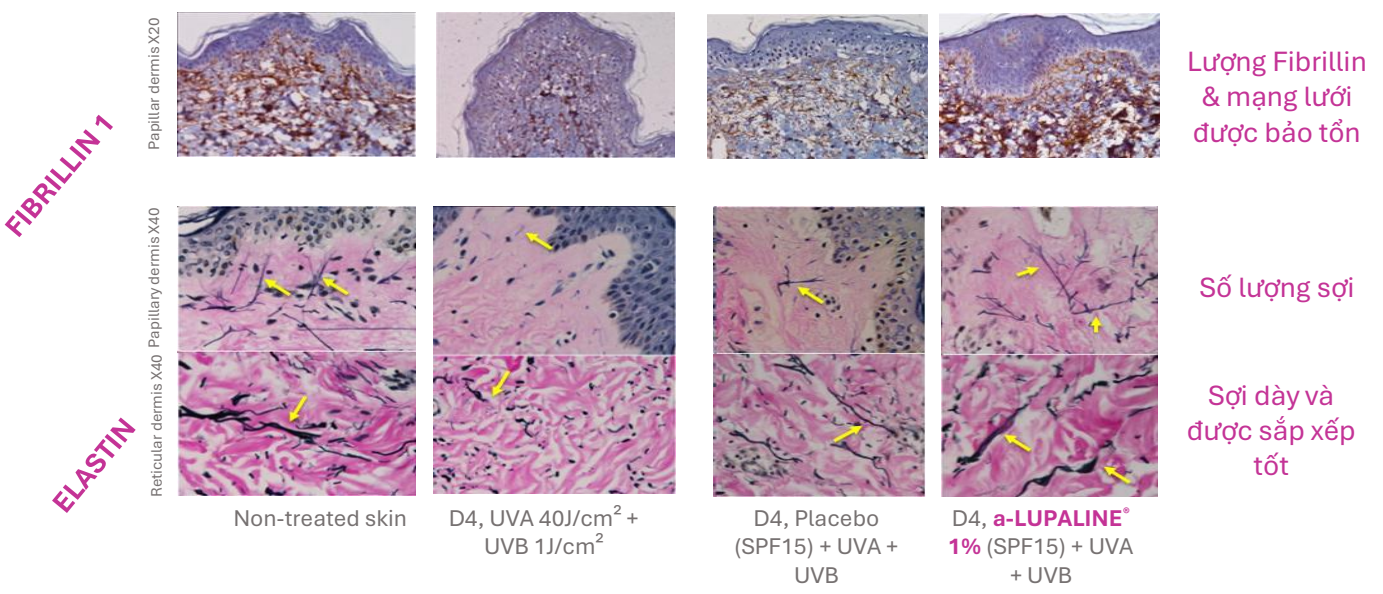
Hình 14. Hiệu quả bảo vệ biểu bì da khi chiếu tia UVB

Bên cạnh đó, α-LUPALINE® còn đóng vai trò trong việc **bảo vệ cấu trúc nền của da**, đặc biệt là elastin – thành phần quan trọng giúp duy trì độ đàn hồi. Dưới tác động của ánh sáng, elastin dễ bị phân hủy, dẫn đến tình trạng da chảy xệ và mất độ săn chắc. Hoạt chất này giúp hạn chế sự suy giảm elastin, từ đó duy trì độ đàn hồi và cấu trúc da ổn định hơn theo thời gian.



EXPOSOME VÀ DA KHỎE MẠNH

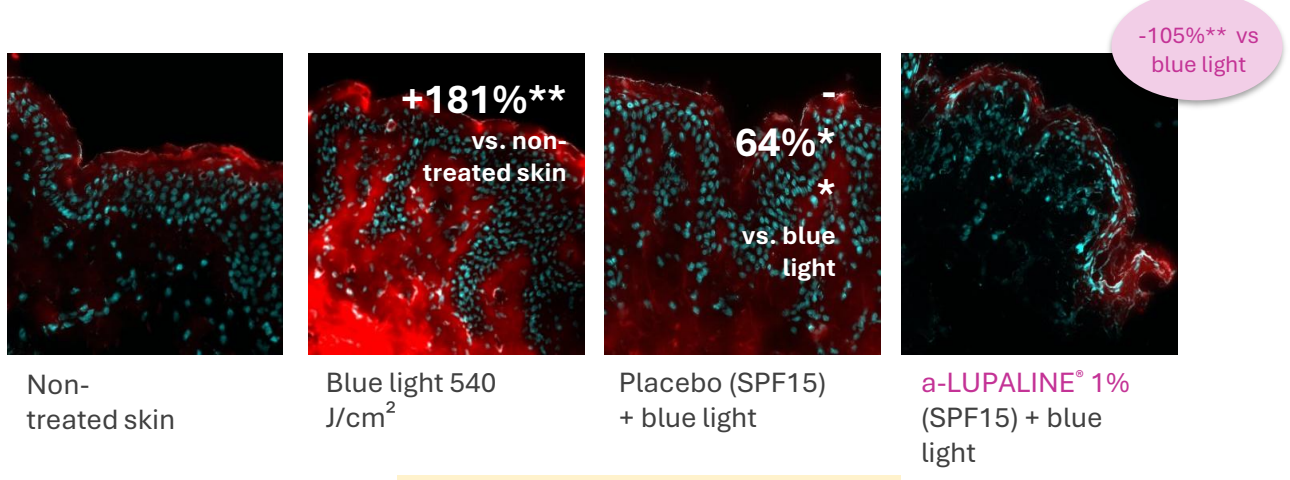
ANTILEUKINE-6™ và α-LUPALINE®



Hình 15. Bảo vệ mạng lưới chất nền ngoại bào trên da chiếu tia UV

α-LUPALINE® mở rộng phạm vi bảo vệ sang cả ánh sáng xanh và tia hồng ngoại – những yếu tố ngày càng được chứng minh có ảnh hưởng đáng kể đến lão hóa da.

α-LUPALINE® ngăn ngừa quá trình lão hóa tế bào nhanh chóng bằng cách bảo vệ protein khỏi quá trình oxy hóa do ánh sáng xanh gây ra.



Hình 16. Carbonylated proteins (red)

Điều này giúp hoạt chất trở thành một thành phần lý tưởng trong các công thức chăm sóc da đô thị, nơi người dùng thường xuyên tiếp xúc với ánh sáng từ thiết bị điện tử và môi trường ô nhiễm.

BẢN TIN KỸ THUẬT

TECHNICAL BULLETIN



Chuyên đề
MỸ PHẨM



Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm theo dõi của Quý Độc Giả đối với Bản Tin Kỹ Thuật Mỹ Phẩm của Asia Shine (Ánh Sáng Châu Á).

Chúng tôi rất hoan nghênh sự đóng góp chân tình của Quý Độc Giả để sản phẩm ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi phản hồi xin gửi về email asiashine@asia-shine.com.vn hoặc hotline 1900252546.

Thank you

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH SÁNG CHÂU Á

338 Nguyễn Trọng Tuyển, P. Tân Sơn Hòa, TP. HCM
36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội

asiashine@asia-shine.com.vn

CALL US NOW! 1900252546

